

Số: 106 / KH-TH

Bến Cát, ngày 11 tháng 9 năm 2025

KẾ HOẠCH
Chiến lược phát triển giáo dục nhà trường
Trường Tiểu học Võ Thị Sáu giai đoạn 2025-2030

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ CƠ SỞ THỰC TIỄN

- Căn cứ Luật Giáo dục năm 2019 (Luật số 43/2019/QH14).
- Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GD&ĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học.
- Căn cứ Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 của Bộ GD&ĐT ban hành Khung năng lực số cho người học.
- Căn cứ Kế hoạch số 1459/KH-SGDDT ngày 18/8/2025 của Sở GD&ĐT TP.HCM về triển khai Khung năng lực số và giáo dục kỹ năng công dân số cho học sinh phổ thông.
- Căn cứ Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của BCH Trung ương Đảng (khóa XI) về đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT.
- Căn cứ Chiến lược chuyển đổi số ngành GD&ĐT TP.HCM giai đoạn 2025-2030.
- Căn cứ Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 ban hành kèm Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT và các văn bản sửa đổi, bổ sung.
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Phường Bến Cát lần thứ nhất, nhiệm kỳ 2025-2030.
- Căn cứ tình hình thực tiễn đội ngũ, học sinh, cơ sở vật chất và kết quả Trường Tiểu học Võ Thị Sáu thực hiện Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2020-2025 như sau:

II. PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

1. Đặc điểm tình hình

1.1. Môi trường bên trong

1.1.1. Mặt mạnh

Luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sâu sát của các cấp lãnh đạo về thực hiện nhiệm vụ năm học; chính quyền địa phương quan tâm đến công tác giáo dục.

Tập thể sư phạm nhà trường có tinh thần đoàn kết, nhất trí cao, cùng quyết tâm thực hiện tốt mục tiêu giáo dục toàn diện.

Đa số cha mẹ học sinh có sự phối hợp chặt chẽ với nhà trường, chăm lo cho học sinh; học sinh ngoan và có ý thức rèn luyện, thi đua trong học tập.

a) Chi bộ Đảng:

- Chi bộ có 19 Đảng viên, đoàn kết, gương mẫu, lãnh đạo toàn diện các hoạt động của nhà trường.

- Luôn quán triệt các chủ trương, nghị quyết của Đảng, đặc biệt là các chương trình đổi mới giáo dục, chuyên đổi số, xây dựng “Trường học hạnh phúc”.

b) Công tác tổ chức quản lý:

- Cán bộ quản lý đạt chuẩn, luôn theo sát các hoạt động của nhà trường; phẩm chất đạo đức tốt, năng lực chuyên môn vững vàng, có tinh thần trách nhiệm cao, có năng lực lãnh đạo, quản lý khoa học, sáng tạo, nhạy bén với xu hướng giáo dục số.

- Kế hoạch phát triển sát thực tế, có tầm nhìn dài hạn, ứng dụng công nghệ trong quản trị.

- Thực hiện quản lý theo hướng tự chủ - trách nhiệm giải trình, ứng dụng mạnh mẽ nền tảng số trong điều hành.

c) Đội ngũ CBQL-GV - NV:

- Giáo viên tâm huyết, năng lực sư phạm tốt, năng động, sáng tạo, thường xuyên đổi mới phương pháp. Nhiều giáo viên trẻ có tinh thần cầu tiến, sử dụng thành thạo công nghệ thông tin vào công tác giảng dạy.

- Tận tâm, yêu nghề, đoàn kết.

- 100% GV đạt chuẩn trình độ đào tạo theo Luật Giáo dục 2019; trình độ CNTT cơ bản đạt 100%, nhiều GV đạt chứng chỉ ứng dụng CNTT nâng cao.

- Nhiều GV tích cực đổi mới PPDH, ứng dụng AI, phần mềm tương tác trong dạy học.

d) Học sinh:

- Ngoan, lễ phép, tích cực tham gia hoạt động trải nghiệm, STEM, kỹ năng sống.

- Bước đầu hình thành kỹ năng công dân số: tìm kiếm thông tin, bảo mật tài khoản, học trực tuyến.

- Có nền tảng hợp tác, hỗ trợ bạn bè, phù hợp định hướng “Trường học hạnh phúc”.

e) Cơ sở vật chất:

- Khuôn viên nhà trường xanh - sạch - đẹp; cơ sở vật chất tương đối đầy đủ, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu phục vụ cho dạy - học; chế độ chính sách của giáo viên và học sinh được chi trả kịp thời, đầy đủ.

- Trang bị máy chiếu, màn hình tương tác, ti vi ở nhiều phòng học;
- Có phòng tin học, mạng Internet tốc độ cao, hệ thống camera giám sát.

1.1.2. Mặt hạn chế

- Năng lực số của một số GV chưa đồng đều, chưa khai thác sâu các công cụ nâng cao (AI, phân tích dữ liệu học tập).
- Thiếu giáo viên chuyên trách, hiện tại nhà trường đang hợp đồng thêm để đáp ứng 100% lớp học 2 buổi/ngày.
- Do vị trí nên số lượng học sinh nhập cư đông, áp lực sĩ số/lớp còn cao (bình quân 47 hs/lớp), ảnh hưởng chất lượng dạy học cá thể hóa.
- Tỷ lệ học sinh có hoàn cảnh khó khăn vẫn cao (-40%), hạn chế khả năng tiếp cận thiết bị số tại nhà, thiếu sự quan tâm đến việc học tập của học sinh, chưa có sự hợp tác chặt chẽ với GVCN.
- Do trường thiếu phòng học nên đã sử dụng các phòng chức năng riêng như Âm nhạc, Mỹ thuật và Ngoại ngữ để bố trí các lớp.
- Nhà trường còn 04 giáo viên chưa đạt chuẩn về trình độ chuyên môn (01 giáo viên dạy GDTC trình độ Cao đẳng Sư phạm, 03 giáo viên dạy lớp trình độ Trung cấp Sư phạm).

1.1.3. Tình hình đội ngũ CBQL - GV - NV (2025)

- về số lượng: Được phân công theo vị trí việc làm quy định tại Thông tư 16/2017/TT- BGDD như sau:

Định biên	Hiệu trưởng	Phó Hiệu Trưởng	Giáo viên	Nhân viên							Tổng cộng
				TPT	TB-TV	Kế toán	Văn Thư	y tế	Bảo vệ	phục vụ	
Biên chế	1	1	19		1	1					
HĐ 111								1	3	3	7
HĐ			7	1							8
TC	1	1	26	1	1	1		1	3	3	

- Về chất lượng, trình độ CBQL-GV-NV:

Thành Phần	Tổng số	Trình độ chuyên môn					Đang học		Tiếng Anh A	Tiếng Anh B trở lên	Tin học A	UD CN TT	ĐH tin học
		Khác	TC	CD	ĐH	TS	CD	ĐH					
BGH	2				2					2	1	1	
GV	26		3	1	22				10	16	9	16	1
NV	10	6	1	2	1			1	2	2	3	1	
TC	38	6	4	3	25				12	20	13	18	1

- Về xếp loại chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học:

Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT

Tổng số GV	Xếp loại							
	Tốt		Khá		Trung bình		Kém	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
24	22	91,7	2	8,3	0		0	

- Tham gia đầy đủ các phong trào do ngành tổ chức.

- 1 GV đạt giáo viên chủ nhiệm giỏi dạy giỏi cấp thành phố (cô Lý Thị Phương Thảo)

- 11 CB GV tham gia viết sáng kiến cấp thành phố kết quả đạt 4/11 tỉ lệ 36,4%

- CB GV tham gia giải bóng chuyền nam do PGD tổ chức, kết quả đạt giải nhất.

- CBGV CNV tham gia giải bóng đá do LĐLĐ phối hợp TTVH tổ chức kết quả : giải Ba bóng đá nữ, giải khuyến khích bóng đá nam.

- CBGV tham gia Hội thi bánh tét do LĐLĐ tổ chức, kết quả đạt giải Ba

- Đạt giáo viên giỏi cấp trường: 22

- Sáng kiến kinh nghiệm được công nhận cấp trường: 11/11

- Sáng kiến công nhận cấp thành phố: 04/11

1.1.4. Tình hình học sinh năm học 2025-2026

- Số học sinh

Khối	Số lớp	Số học sinh				Trung bình số HS/lớp	Học 2 buổi/ngày	
		Tổng số	Nữ	Tổng số Dân tộc	Nữ Dân tộc		số lớp	số học sinh
Một	5	234	108	14	8	47 hs/lớp	5	234
Hai	4	172	84	12	6	43 hs/lớp	4	172
Ba	3	159	66	9	5	53 hs/lớp	3	159
Bốn	4	191	81	20	11	48 hs/lớp	4	191
Năm	3	132	68	6	4	44 hs/lớp	3	132
TC	19	888	407	61	34		19	888

- Tham gia Cuộc thi “STEM/STEAM Robotics- Sáng tạo trẻ” cấp thành phố, kết quả Em Nguyễn Ngọc Hân(5A1) và Em Lê Hoàng Tính(5A2) đạt giải khuyến khích

- HS tham gia cuộc thi Olympic Tiếng Anh trên Internet kết quả Em Trương Quỳnh Anh(4A2) được cộng nhận đã hoàn thành tốt kỳ thi quốc gia năm học 2024-2025

1.1.5. Thành tích đơn vị

- Phong trào thi đua của đơn vị: Đạt công nhận 04 SKKN cấp Thành phố.

+ LĐTТ: 30/35 ; CSTĐCS: 7/30;

+ UB Tỉnh khen: 01

+ Đề nghị TTCP: 0

Tập thể đề nghị: Lao động tiên tiến.

Công đoàn cơ sở đạt: vững mạnh;

Liên đội TNTP Hồ Chí Minh: HTXSNV;

Chi đoàn đạt: xuất sắc.

- Về Chi bộ:

Gồm 19 Đảng viên trong đó

Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ : 03 Đảng viên;

Hoàn thành tốt nhiệm vụ: 19 Đảng viên.

Đạt chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ

1.2. Môi trường bên ngoài

1.2.1. Thuận lợi

- Chủ trương mạnh mẽ về chuyển đổi số giáo dục từ Trung ương đến địa phương, tạo điều kiện pháp lý và nguồn lực hỗ trợ cho nhà trường triển khai ứng dụng công nghệ trong quản lý và dạy học.

- Hạ tầng công nghệ của TP.HCM ngày càng hiện đại, thuận lợi cho kết nối Internet tốc độ cao và sử dụng các nền tảng học tập trực tuyến.

- Sự quan tâm của chính quyền địa phương, phụ huynh, cộng đồng doanh nghiệp tại phường Bến Cát, TP. Hồ Chí Minh đến việc đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học.

-Chương trình GDPT 2018 và các kế hoạch giáo dục kỹ năng công dân số của Sở GD&ĐT TP.HCM giúp định hướng rõ ràng cho việc xây dựng năng lực số cho học sinh.

1.2.2. Cơ hội

- Khung năng lực số và kỹ năng công dân số đã được Bộ GD&ĐT ban hành, giúp nhà trường có cơ sở pháp lý rõ ràng để triển khai đồng bộ cho giáo viên và học sinh.
- Nguồn tài trợ, hợp tác từ các tổ chức, doanh nghiệp công nghệ giáo dục mở ra cơ hội trang bị thiết bị, phần mềm, nền tảng học tập hiện đại.
- Xu hướng hội nhập quốc tế trong giáo dục tiểu học, tạo điều kiện để trường tham gia các dự án, chương trình trao đổi và học hỏi mô hình quản lý tiên tiến.
- Phong trào xây dựng “Trường học hạnh phúc” được Bộ GD&ĐT và Sở GD&ĐT TP.HCM triển khai mạnh, tạo thuận lợi cho việc huy động cộng đồng và nguồn lực xã hội.
- Sự phát triển của công nghệ AI mang đến cơ hội đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy học, tăng cường trải nghiệm sáng tạo cho học sinh.

1.2.3. Khó khăn

- Tốc độ thay đổi công nghệ nhanh, đòi hỏi giáo viên phải liên tục cập nhật kỹ năng và thích ứng với các công cụ mới.
- Sự chênh lệch điều kiện kinh tế - xã hội của phụ huynh khiến việc triển khai học tập trực tuyến, dự án số và các hoạt động trải nghiệm công nghệ chưa đồng đều.
- Áp lực giảm sĩ số/lớp nhưng dân số cơ học tăng nhanh tại phường Bến Cát, TP. Hồ Chí Minh, đặc biệt ở lứa tuổi tiểu học.
- Một bộ phận phụ huynh còn lo ngại tác động tiêu cực của môi trường số tới trẻ em, dẫn đến hạn chế trong việc phối hợp giáo dục kỹ năng số.

1.2.4. Thách thức

- Đảm bảo môi trường học đường an toàn cả trong không gian học trực tiếp và môi trường trực tuyến.
- Xây dựng mô hình trường học hạnh phúc trong khi vẫn phải đáp ứng yêu cầu số hóa và hội nhập quốc tế.
- Nâng cao năng lực số cho học sinh và giáo viên song song với việc nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

1.2.5. Vấn đề ưu tiên

- Hoàn thiện hạ tầng và nền tảng số của nhà trường.
- Nâng cao trình độ năng lực số của CBQL - GV - HS theo chuẩn Thông tư 02/2025/TT-BGDĐT.
- Đạt 100% tiêu chí Trường học hạnh phúc vào năm 2028 và duy trì ổn định.
- Giảm sĩ số trung bình xuống < 40 HS/lớp vào năm 2030.

1.3 Cơ sở vật chất năm 2025

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	20/19	m ² /học sinh
II	Loại phòng học	20	-
1	Phòng học kiên cố	20	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhò, mượn	4	-
III	Số điểm trường lẻ	01	-
IV	Tổng diện tích đất (m ²)		
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	1.144,7 m ²	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	48 m ²	
2	Diện tích thư viện (m ²)		
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)		
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	74,8 m ²	
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	74,8 m ²	
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	74,8 m ²	
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)		
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)		
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	38 m ²	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	1624	
1.1	Khối lớp 1	865	
1.2	Khối lớp 2	219	

1.3	Khối lớp 3	127	
1.4	Khối lớp 4	144	
1.5	Khối lớp 5	154	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	115	
2.1	Khối lớp 1		
2.2	Khối lớp 2		
2.3	Khối lớp 3	35	
2.4	Khối lớp 4	40	
2.5	Khối lớp 5	40	
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	41	
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác	29	
1	Ti vi	9	
2	Cát xét	1	
3	Đầu Video/đầu đĩa	1	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	10	
5	Thiết bị khác + máy in	5	
6	Bảng tương tác	3	
	Nội dung	Số lượng(m²)	
X	Nhà bếp	Số lượng 1: 208 m ²	
XI	Nhà ăn	Số lượng 1 417 m ²	
	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m²)	Số chỗ
			Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0
XIII	Khu nội trú	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	9	0	18	0	0,23
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	0

(*Theo Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

III. ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC

1. Sứ mệnh

Tạo dựng một môi trường học tập nền nếp- kỷ cương- hạnh phúc- sáng tạo - số hóa, đảm bảo chất lượng và hiệu quả giáo dục cao.

Mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển toàn diện về phẩm chất, năng lực, kỹ năng công dân số và khả năng sáng tạo; có khả năng thích ứng linh hoạt với sự phát triển của xã hội trong kỷ nguyên số; trở thành công dân tốt, công dân toàn cầu.

1. Tầm nhìn

Đến năm 2030, Trường Tiểu học Võ Thị Sáu phấn đấu trở thành:

- Trường học hạnh phúc kiểu mẫu của TP. Hồ Chí Minh.
- Trung tâm văn hoá - giáo dục - chuyển đổi số của phường Bến Cát, là địa chỉ tin cậy để cha mẹ học sinh gửi gắm con em mình.

Nơi mà giáo viên và học sinh luôn nâng động, sáng tạo, làm chủ công nghệ, sẵn sàng hội nhập và vươn tới thành công

1. Giá trị

- Đoàn kết- gắn bó, sẻ chia vì mục tiêu chung.
- Trung thực- minh bạch trong quản lý, dạy học và đánh giá.
- Hợp tác- phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường- gia đình- xã hội.
- Sáng tạo- đổi mới phương pháp, ứng dụng công nghệ và trí tuệ nhân tạo.
- Nhân ái- tôn trọng, yêu thương, thấu hiểu.
- Kỷ cương- dân chủ- môi trường học tập trật tự nhưng cởi mở.
- Trách nhiệm với bản thân, cộng đồng, đất nước và môi trường sống.

IV. MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC

1. Mục tiêu chung

Xây dựng Trường Tiểu học Võ Thị Sáu trở thành trường học hạnh phúc - hiện đại - số hóa, đảm bảo chất lượng giáo dục toàn diện, phát triển phẩm chất, năng lực học sinh đáp ứng Chương trình GDPT 2018 và chuẩn năng lực số theo Thông tư 02/2025/TT-BGDĐT.

Từng bước khẳng định vị thế là một trong những cơ sở giáo dục liên tục có chất lượng cao của TP. Hồ Chí Minh.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Về quy mô và mạng lưới trường lớp

- Duy trì tỷ lệ huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 100% hằng năm.
- Duy trì 100% học sinh học 2 buổi/ngày vào năm 2030.
- Giảm sĩ số bình quân xuống < 40 hs/lớp vào năm 2030.
- Được mở rộng trường lớp để có phòng học bộ môn, phấn đấu đạt 1 phòng/loại môn (Âm nhạc, Mỹ thuật, Tin học, Ngoại ngữ) vào năm 2028.

2.2. Về chất lượng giáo dục

- Chất lượng đại trà: 100% học sinh hoàn thành chương trình tiểu học; > 95% học sinh đạt mức “Hoàn thành tốt” các môn học và hoạt động giáo dục.

- Chất lượng mũi nhọn: Hằng năm có học sinh đạt giải trong các cuộc thi cấp quận, thành phố về Toán, Tiếng Việt, Tiếng Anh, Tin học, STEM.

- Năng lực số của học sinh: 100% học sinh lớp 5 đạt bậc 2 trở lên theo Khung năng lực số. Học sinh biết tìm kiếm, đánh giá, sử dụng thông tin an toàn; biết bảo vệ dữ liệu cá nhân; biết ứng dụng phần mềm học tập và sáng tạo nội dung số.

2.3. Về đội ngũ CBQL - GV - NV

- 100% CBQL - GV - NV đạt chuẩn nghề nghiệp; > 80% đạt mức “Tốt”.
- 100% CBQL - GV - NV đạt năng lực số bậc 3 trở lên theo Thông tư 02/2025/TT-BGDĐT.
- > 50% giáo viên đạt chứng chỉ ứng dụng CNTT nâng cao; > 30% giáo viên có khả năng thiết kế và triển khai bài học với AI và các công nghệ mới.

2.4. Về cơ sở vật chất- hạ tầng số

- Được mở rộng trường lớp (trường có 2 cơ sở nhưng cơ sở 2 đang thuộc địa bàn của phường Long Nguyên) cơ sở 1 của trường với diện tích 3.541 m2 nên không đủ diện tích cho số học sinh hiện có.
- 100% phòng học được trang bị thiết bị số (màn hình tương tác, máy chiếu, hệ thống âm thanh, Internet).
- Hoàn thiện phòng kỹ năng số và sáng tạo vào năm 2027.
- Số hóa 100% thư viện, hồ sơ quản lý, dữ liệu học tập và điểm danh.

2.5. Về mô hình “Trường học hạnh phúc”

- Đạt 100% tiêu chí của Bộ GD&ĐT về Trường học hạnh phúc vào năm 2028; duy trì và nâng cao chất lượng hằng năm.
- Xây dựng văn hóa học đường an toàn- tôn trọng- yêu thương; > 95% G V
- HS - PH hài lòng về môi trường giáo dục của trường.

V. CÁC GIẢI PHÁP CHIẾN LƯỢC

* Các giải pháp kế hoạch chiến lược giáo dục của Trường Tiểu học Võ Thị Sáu giai đoạn 2025-2030 đảm bảo các định hướng sau:

- Phát huy tối đa các yếu tố nội lực (đội ngũ, cơ sở vật chất, truyền thống, văn hóa nhà trường) và tranh thủ hiệu quả các yếu tố bên ngoài (chủ trương, chính sách, nguồn lực xã hội, hợp tác với doanh nghiệp công nghệ) để tạo động lực phát triển bền vững.
- Đảm bảo tính toàn diện và đột phá, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục, chuyển đổi số và xây dựng mô hình Trường học hạnh phúc.
- Xác định ưu tiên cho từng giai đoạn và từng năm học trong chu kỳ 2025-2030, đảm bảo sự kế thừa và tiến bộ liên tục.

* Các giải pháp phải đồng thời đáp ứng yêu cầu:

- Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện theo Chương trình GDPT 2018.
- Phát triển năng lực số và kỹ năng công dân số cho CBQL - GV - HS.
- Tạo dựng môi trường giáo dục hạnh phúc, an toàn, sáng tạo, hội nhập quốc

tế.

* Các giải pháp mang tính đột phá tập trung vào:

- Phát triển đội ngũ giáo viên và CBQL đáp ứng chuẩn nghề nghiệp và chuẩn năng lực số.
- Hiện đại hóa cơ sở vật chất- hạ tầng số, hướng tới trường học thông minh.
- Đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá gắn với chuyển đổi số và giáo dục cá thể hóa.
- Xây dựng văn hóa số và văn hóa hạnh phúc trong toàn trường.
- Đẩy mạnh hợp tác, xã hội hóa để mở rộng nguồn lực và cơ hội học tập cho học sinh.

1. Nâng cao chất lượng đội ngũ CBQL – GV-NV

1.1. Mục tiêu: - 100% CBQL – GV – NV đạt chuẩn nghề nghiệp, $\geq 80\%$ đạt mức “Tốt”.

- 100% CBQL – GV – NV đạt năng lực số bậc 3 trở lên theo Thông tư 02/2025/TT-BGDĐT.

-> 50% GV đạt chứng chỉ CNTT nâng cao, $\geq 30\%$ GV có khả năng thiết kế học liệu số ứng dụng AI.

1.2. Biện pháp:

- Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên, bồi dưỡng theo chuyên đề về chuyển đổi số, kỹ năng công dân số, dạy học tích hợp công nghệ.
 - Tổ chức hội thảo, chuyên đề về Trường học hạnh phúc, giáo dục cảm xúc – xã hội (SEL).
 - Khuyến khích giáo viên tham gia tập huấn của Sở GD&ĐT, các MOOC, dự án hợp tác quốc tế về giáo dục số.
 - Thực hiện cơ chế đánh giá năng lực số định kỳ 2 năm/lần, gắn với thi đua khen thưởng.
2. Hoàn thiện cơ sở vật chất – hạ tầng số

2.1. Mục tiêu:

- 100% phòng học được trang bị thiết bị số hóa.

Hoàn thiện phòng kỹ năng số và sáng tạo trước năm 2027. - Số hóa 100% dữ liệu quản lý, hồ sơ, thư viện.

2.2. Biện pháp:

- Huy động xã hội hóa để bổ sung trang thiết bị: màn hình tương tác, máy tính bảng, robot giáo dục.
- Nâng cấp hệ thống Wi-Fi, máy chủ, bảo mật thông tin. - Áp dụng

nền tảng quản trị trường học thông minh.

3. Đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá

3.1. Mục tiêu:

- 100% GV áp dụng phương pháp dạy học phát triển năng lực, kết hợp trực tiếp và trực tuyến.

- 100% bài học có tích hợp yếu tố công dân số phù hợp.

3.2. Biện pháp:

- Sử dụng các công cụ LMS, Google Classroom, Microsoft Teams, AI hỗ trợ chấm bài và phân tích tiến độ học tập.

- Tăng cường dạy học dự án, sản phẩm số, STEM, robotics.

Đa dạng hóa hình thức kiểm tra: bài tập tình huống, dự án nhóm, sản phẩm sáng tạo số.

4. Phát triển năng lực số và kỹ năng công dân số cho học sinh

4.1. Mục tiêu:

- 100% HS lớp 5 đạt bậc 2 trở lên theo Khung năng lực số.

- HS biết bảo vệ dữ liệu cá nhân, ứng xử văn minh trên mạng.

4.2. Biện pháp:

- Triển khai chương trình giáo dục kỹ năng công dân số theo Kế hoạch 1459/KH-SGDET TP.HCM.

- Tổ chức CLB công nghệ, ngày hội STEM, cuộc thi “Sáng tạo nội dung số an toàn”. lòng.

- Lòng ghép kỹ năng số vào các môn học và hoạt động trải nghiệm.

5. Xây dựng và duy trì mô hình “Trường học hạnh phúc”

5.1. Mục tiêu:

- Đạt 100% tiêu chí Trường học hạnh phúc vào 2028. - $\geq 95\%$ GV – HS – PH hài lòng về môi trường giáo dục.

5.2. Biện pháp:

- Xây dựng môi trường học tập an toàn – tôn trọng – yêu thương.

- Tổ chức hoạt động nghệ thuật, thể thao, trải nghiệm gắn kết cộng đồng.

- Ứng dụng công nghệ để khảo sát và thu thập phản hồi định kỳ về sự hài lòng

6. Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục

6.1. Mục tiêu:

- Mở rộng hợp tác với doanh nghiệp
- Tăng 20% nguồn thu xã hội hóa so với giai đoạn 2020-2025
- 100% văn bản, hồ sơ xử lý trên môi trường điện tử.
- Quản lý nhà trường qua dashboard dữ liệu.

6.2. Biện pháp:

- Áp dụng phần mềm quản lý trường học đồng bộ với Sở GD&ĐT.
- Sử dụng chữ ký số, lưu trữ điện tử, lịch công tác trực tuyến.

7. Phát triển văn hóa số trong nhà trường

7.1. Mục tiêu:

- 100% GV – HS – NV thực hiện quy tắc ứng xử văn minh trên mạng.
- Xây dựng thói quen sử dụng công nghệ an toàn.

7.2. Biện pháp:

- Ban hành quy tắc ứng xử trực tuyến.
- Tổ chức chuyên đề giáo dục văn hóa số, an toàn thông tin.

8. Nâng cao chất lượng hoạt động trải nghiệm- hướng nghiệp

8.1. Mục tiêu:

- 100% HS tham gia > 2 hoạt động trải nghiệm/năm gắn với công nghệ.

8.2. Biện pháp:

- Phối hợp tổ chức trải nghiệm tại doanh nghiệp công nghệ, bảo tàng khoa
- Xây dựng dự án trải nghiệm số như thiết kế video, poster, website.

9. Nâng cao truyền thông và thương hiệu nhà trường

9.1. Mục tiêu:

- Xây dựng hình ảnh trường học hạnh phúc – số hóa – hội nhập.

9.2. Biện pháp:

- Duy trì website, fanpage của trường.
- Tổ chức sự kiện kết hợp trực tiếp và trực tuyến.

VI. DỰ KIẾN QUY MÔ TRƯỜNG LỚP 2025-2030

Căn cứ vào số liệu năm học 2024-2025 và tình hình tăng dân số cơ học tại phường Bến Cát, TP. Hồ Chí Minh, quy mô trường lớp dự kiến giai đoạn 2025-2030 như sau.

Năm học	HS lớp 1/lớp	HS lớp 2/lớp	HS lớp 3/lớp	HS lớp 4/lớp	HS lớp 5/lớp	Tổng HS/Tổng lớp	Bình quân HS/lớp	Theo chuẩn (35 HS/lớp)
2025-2026	234/5	172/4	159/3	191/4	132/3	888/19	47/lớp	Dư 12HS/lớp
2026-2027	150/3	230/5	172/4	159/3	191/4	900/19	47/lớp	Dư 14HS/lớp
2027-2028	170/4	150/3	230/5	172/4	159/3	881/19	46/lớp	Dư 11HS/lớp
2028-2029	150/3	170/4	150/3	230/5	172/4	872/19	46/lớp	Dư 11HS/lớp
2029-2030	160/4	150/3	170/4	150/3	230/5	860/19	45/lớp	Dư 10HS/lớp

VII.TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1.Phân công trách nhiệm

1.1Ban Giám hiệu (BGH)

- Chịu trách nhiệm chung trong việc triển khai và giám sát thực hiện kế hoạch chiến lược.
- Xây dựng kế hoạch chi tiết từng năm học, xác định mục tiêu ưu tiên và giải pháp cụ thể.
- Chỉ đạo thực hiện công tác chuyển đổi số, phát triển năng lực số, kỹ năng công dân số và xây dựng mô hình Trường học hạnh phúc.

1.2. Hội đồng trường

- Tham gia quyết định các vấn đề chiến lược, huy động nguồn lực xã hội hóa, giám sát việc thực hiện kế hoạch.

1.3. Tổ chuyên môn

- Lập kế hoạch dạy học, đổi mới phương pháp và đánh giá theo định hướng phát triển năng lực, tích hợp kỹ năng công dân số.
- Thường xuyên sinh hoạt chuyên môn trên nền tảng số, chia sẻ học liệu, ứng dụng AI và công nghệ giáo dục.

1.4. Tổ Văn phòng-Thiết bị - Thư viện

- Quản lý cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, thư viện số, hỗ trợ kỹ thuật cho GV - HS.
- Đảm bảo an ninh, an toàn thông tin và hệ thống mạng của nhà trường.

1.5. Đoàn Thanh niên - Đội TNTP Hồ Chí Minh

- Phối hợp tổ chức các hoạt động ngoại khóa, phong trào thi đua, trải nghiệm sáng tạo.

- Vận động đoàn viên, đội viên tích cực tham gia xây dựng Trường học hạnh phúc.

1.6. Phụ huynh và cộng đồng

- Hỗ trợ kinh phí, trang thiết bị, tham gia các hoạt động giáo dục và giám sát chất lượng giáo dục.

- Phối hợp trong giáo dục kỹ năng sống, an toàn mạng và văn hóa ứng xử trực tuyến cho học sinh.

2. Cơ chế theo dõi, kiểm tra và đánh giá

- Theo dõi định kỳ: BGH kiểm tra tiến độ thực hiện hàng tháng, báo cáo Hội đồng trường mỗi học kỳ.

- Đánh giá hằng năm: Tổng kết kết quả thực hiện mục tiêu của năm học, điều chỉnh kế hoạch nếu cần.

- Đánh giá giữa kỳ (2027-2028): Rà soát toàn bộ chỉ tiêu, giải pháp; bổ sung điều chỉnh cho giai đoạn còn lại.

- Đánh giá cuối kỳ (2029-2030): Đánh giá toàn diện kết quả thực hiện chiến lược, làm cơ sở xây dựng chiến lược giai đoạn tiếp theo.

3. Điều kiện thực hiện

- Nguồn lực tài chính: ngân sách Nhà nước, nguồn xã hội hóa, tài trợ từ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân.

- Nguồn lực nhân sự: CBQL - GV - NV đủ về số lượng, vững về chuyên môn, thành thạo năng lực số.

- Nguồn lực công nghệ: hạ tầng mạng, phần mềm quản lý, thiết bị dạy học số đầy đủ và đồng bộ.

VII. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Kế hoạch chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2025-2030 của Trường Tiểu học Võ Thị Sáu được xây dựng trên cơ sở phân tích đầy đủ các yếu tố nội lực và ngoại lực, bám sát chủ trương của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục và chính quyền địa phương.

Kế hoạch đã xác định rõ sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi, đề ra mục tiêu chiến lược, chỉ tiêu định lượng và hệ thống giải pháp toàn diện để:

- Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện theo Chương trình GDPT 2018.

- Thúc đẩy chuyển đổi số trong quản lý và dạy học, phát triển năng lực số và kỹ năng công dân số cho CBQL - GV - HS.

- Xây dựng và duy trì mô hình Trường học hạnh phúc, tạo môi trường giáo

dục an toàn, tôn trọng, yêu thương.

Việc thực hiện thành công kế hoạch này sẽ đưa Trường Tiểu học Võ Thị Sáu trở thành một điểm sáng giáo dục của phường Bến Cát và TP. Hồ Chí Minh, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và hội nhập quốc tế.

2. Kiến nghị

2.1. Với UBND phường Bến Cát

- Hỗ trợ nguồn lực xã hội hóa để nâng cấp cơ sở vật chất, hạ tầng số, trang thiết bị dạy học.

- Có kế hoạch xây dựng mở rộng ngôi trường nhằm đáp ứng diện tích/lớp học sinh đảm bảo quy định Bộ giáo dục và Đào tạo để trường đạt kiểm định chất lượng.

- Phối hợp tổ chức các hoạt động giáo dục, trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh.

2.2. Với phụ huynh học sinh và cộng đồng

- Đồng hành cùng nhà trường trong việc giáo dục phẩm chất, năng lực, kỹ năng sống cho học sinh.

- Tham gia đóng góp ý kiến, giám sát và hỗ trợ triển khai các hoạt động giáo dục và phong trào thi đua.

Trên đây là Kế hoạch Chiến lược phát triển giáo dục Trường Tiểu học Võ Thị Sáu giai đoạn 2025-2030. Đề nghị cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và các tổ chức đoàn thể trong nhà trường nghiêm túc triển khai thực hiện đúng tinh thần nội dung kế hoạch đã đề ra. Với sự quyết tâm, đoàn kết của toàn thể CBQL - GV - NV, sự phối hợp chặt chẽ của phụ huynh và cộng đồng, Trường Tiểu học Võ Thị Sáu tin tưởng sẽ hoàn thành tốt các mục tiêu đã đề ra trong giai đoạn 2025-2030, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và uy tín của nhà trường./.

Nơi nhận:

- Phòng VHXXH phường Bến Cát;
- CBQL-GV- NV- HS-PHHS;
- Lưu: VT.

Hiệu trưởng

Nguyễn Sỹ An Quốc